

Bản án số: 09/2025/DS-PT

Ngày 15 -01 -2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Dương Hà Ngân và ông Quách Trọng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 10/TB-TDS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị H; địa chỉ: A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hòa C; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nơi làm việc: Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ; trụ sở tại: số H đường B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bà Phạm Thị Ca D; địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Quốc C1; địa chỉ: A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Minh T; địa chỉ: số D, đường L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn C2; địa chỉ: A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hòa C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị H trình bày:

Do có quen biết với vợ chồng bà Phạm Thị Ca D và ông Nguyễn Hòa C nên ngày 03/02/2007 bà H có cho vợ chồng bà D, ông C vay số tiền 300.000.000đ để lo công việc gia đình, việc vay mượn có viết giấy tay, thỏa thuận ngày 16/02/2007 trả 60.000.000đ và ngày 01/5/2007 trả số tiền còn lại, lãi suất 1,5%/tháng. Bà H đã đưa tiền mặt 300.000.000đ cho bà D. Giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 là do bà D viết và có chữ ký của hai vợ chồng bà D, ông C. Tuy nhiên, bà D và ông C không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo giấy mượn tiền, mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện và gặp trực tiếp để đòi nhưng bà D và ông C vẫn cố tình chây ỳ không chịu trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Thị Ca D và ông Nguyễn Hòa C phải liên đới trả số tiền 300.000.000đ tại giấy mượn tiền ngày 03/02/2007, bà H không yêu cầu lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Ca D trình bày:

Bà D với ông Nguyễn Hòa C là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Do cần tiền nên năm 2006 bà D có vay bà H 170.000.000đ và có thỏa thuận lãi suất. Do làm ăn khó khăn nên chỉ trả được tiền lãi, còn tiền gốc vẫn chưa trả. Ngày 03/02/2007 bà D với ông C đến nhà bà H để đối chiếu và chốt lại số tiền phải trả, thời gian trả. Sau khi đối chiếu, hai bên thống nhất làm lại giấy mượn tiền và chốt số tiền vay là 300.000.000đ. Bà D thừa nhận giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 là do bà viết và chữ ký bên dưới giấy mượn tiền là do bà D và ông C ký nhưng bà D không được nhận số tiền 300.000.000đ, mục đích viết giấy là để chốt số tiền (gốc và lãi) của khoản vay 170.000.000đ mà bà D đã vay bà H trong năm 2006 nhưng chưa trả. Đến nay bà D đã trả cho bà H số tiền 211.700.000đ, trả bằng tiền mặt nhiều đợt và đều đưa trực tiếp cho bà H, mỗi lần trả bà D đều ghi vào sổ tay cá nhân ngày trả và số tiền trả nhưng không có chữ ký nhận của bà H. Bà D vay số tiền 300.000.000đ để sử dụng làm ăn riêng, không liên quan đến ông C. Bà D đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền 300.000.000đ cho bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Hòa C trình bày:

Trước đây ông C và bà Phạm Thị Ca D là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 31/01/2024. Năm 2007 ông C có nghe bà D nói khoảng tháng 04/2006 bà D có vay mượn của bà Tạ Thị H số tiền

170.000.000đ, do làm ăn thua lỗ không trả nợ đúng hạn nên bà H yêu cầu bà D làm lại giấy mượn tiền. Ngày 03/02/2007 ông C chở bà D đến nhà bà H để tính toán và chốt lại số tiền còn nợ, sau đó bà D cầm giấy mượn tiền đưa cho ông C ký. Ông C thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 nhưng ông không được nhận số tiền này. Việc ký giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 là do ông bị ép buộc. Vì vậy ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị H. Ngoài ra, ông C còn trình bày: Từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2024 ông C đã trả cho bà H 34.500.000đ, số tiền này ông C trả trong nhiều lần thông qua 02 tài khoản ngân hàng của con bà H tên là Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Quốc C1. Lý do chuyển trả tiền cho bà H là vì bà H liên tục tìm gặp và gọi điện gây sức ép yêu cầu phải trả số tiền 300.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 nên ông C hứa mỗi tháng trả 1.000.000đ để khỏi bị làm phiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Quốc C1 trình bày: Ông Nguyễn Hòa C có chuyển 17.500.000đ vào số tài khoản 060213763906 do anh C1 mở tại Ngân hàng S Chi nhánh tỉnh Đ. Số tiền này ông C chuyển nhiều lần, mỗi lần chuyển từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ và đều ghi nội dung “Nguyễn Hòa C chuyển khoản hoặc Nguyễn Hòa C chuyển khoản hỗ trợ cô H”. Anh C1 đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho bà Tạ Thị H. Trong vụ án này anh C1 không yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Từ ngày 09/4/2021 đến ngày 10/9/2022 ông Nguyễn Hòa C có chuyển 17.000.000đ vào số tài khoản 0231000617363 do chị T mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Đ. Số tiền này ông C chuyển nhiều lần, mỗi lần chuyển 1.000.000đ và đều ghi nội dung “Nguyễn Hòa C chuyển khoản hoặc Nguyễn Hòa C chuyển khoản hỗ trợ cô H”. Chị T đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho bà Tạ Thị H. Trong vụ án này chị T không yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Văn C2 trình bày: Ông C2 không thỏa thuận ký kết giấy mượn tiền ngày 03/02/2007 với ông C và bà D nên không liên quan đến vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 147 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 471 và Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 2005 khoản 2 Điều 149, Điều 463, Điều 466 và điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 để tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị H. Buộc bà Phạm Thị Ca D và ông Nguyễn Hòa C phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Tạ Thị H số tiền 265.500.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng); trong đó: Bà Phạm Thị Ca D phải trả số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), ông Nguyễn Hòa C phải trả số tiền 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 9 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn Hòa C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất để một mình bị đơn bà Phạm Thị Ca D trả số tiền còn lại cho nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hòa C nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được cấp phúc thẩm xem xét.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận các nội dung sau:

Bị đơn bà Phạm Thị Ca D đồng ý trả số tiền 265.500.000 đồng còn lại sau khi khấu trừ số tiền mà ông C đã trả là 34.500.000 đồng (300.000.000 đồng – 34.500.000 đồng = 265.500.000 đồng). Bà H thống nhất không buộc ông C có nghĩa vụ cùng với bà D trả số tiền 265.500.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung này. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ca D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hòa C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Cao D1 chấp nhận trả toàn bộ số tiền nợ là 265.500.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) cho bà Tạ Thị H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí.

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Cao D phải chịu 13.275.000 đồng. Bà Tạ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Hòa C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007289 ngày 01/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng